

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI
KHỐI MẦM TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Hoạt động khác: Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Cúi về phía trước. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải.

			+ Nghiêng người sang trái, sang phải. + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m. - Bước lên xuống bậc cao(30cm	Hoạt động học: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m. - Bước lên xuống bậc cao(30cm
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. - Lăn, đập, tung bóng với cô.
4	MT4	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Bò theo hướng thẳng, dích dắc.

5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Trườn về phía trước - Bật tại chỗ, bật về phía trước. - Bật xa 20- 25 cm.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.	Hoạt động khác: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nghệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
8	MT8	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thịt kho, luộc, rán, rau xào, luộc, nấu canh, gạo nấu cơm, ... Hoạt động khác:
9	MT9	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	
10	MT10	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn	

		khác nhau.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thịt kho, luộc, rán, rau xào, luộc, nấu canh, gạo nấu cơm, ... - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng , đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
11	MT11	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	Hoạt động khác: - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tập cởi và mặc quần áo - Nhận biết công dụng của bát, thìa, cốc
12	MT12	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
13	MT13	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	Hoạt động học: - Nhận Biết dấu hiệu thường gặp của dịch bệnh Covid 19 Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Trẻ biết đeo khẩu trang đúng cách, thường xuyên đeo khẩu trang khi ra ngoài - Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn.
14	MT14	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Trẻ có một số kỹ năng phòng chống dịch bệnh covid 19	

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
15	MT15	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. Hoạt động khác: - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. - Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. Giáo dục trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
16	MT16	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	
17	MT17	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
18	MT18	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	Hoạt động học: - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi;
19	MT19	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét,	

		tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật gần gũi với trẻ: động vật sống trong gia đình, đv dưới nước... - Thời tiết, mùa: hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng: Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Nước: Một số nguồn nước, ích lợi của nước.
20	MT20	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	
21	MT21	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng: Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Nước: Một số nguồn nước, ích lợi của nước. Hoạt động khác: - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt; - Vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng * Tổ chức các HĐ thử nghiệm đơn giản: - Vật chìm - vật nổi. - Sự tan chảy của đá. - Hạt đỗ nảy mầm (trên đất, trên bông ươm) * Thu thập thông tin bằng các hình thức: + Suru tầm tranh ảnh + Đọc sách truyện trong góc thư viện, phòng thư viện + Trò chuyện với cô giáo, người lớn
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật,			

hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
22	MT22	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Hoạt động học: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. Hoạt động khác: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
23	MT23	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Hoạt động học: - kể các dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. Hoạt động khác: - kể các dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. Quan sát, so sánh, mô tả những dấu hiệu nổi bật của các đối tượng: - Đồ dùng, đồ chơi - Động vật - Thực vật - Đồ dùng gia đình - Hát, vận động, nghe hát: Cây bí ngô; Gieo hạt; Khu vườn, Cây xanh, Bắp cải, Chú mèo con, con chim non, Con vịt bầu, Cá vàng bơi.. - Tạo hình: + Nặn con lật đật, nặn quả tròn, nặn bánh mì, nặn vòng tặng bạn,
24	MT24	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	

			- Góc âm nhạc, góc đóng vai: bác sĩ, bác cấp dưỡng, cô giáo, bố mẹ, người bán hàng, kỹ sư xây dựng.. Trò chơi: - Tìm bạn - Về đúng nhà - Chiếc hộp bí mật
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
25	MT25	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Hoạt động học: - 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 và đếm theo khả năng. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3 và đếm theo khả năng. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 và đếm theo khả năng. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - So sánh 2 đối tượng có số lượng bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn trong phạm vi 5. - Gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 2. - Gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 3. - Gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 4. - Gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2 thành 2
26	MT26	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	
27	MT27	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
28	MT28	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	
29	MT29	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	

			nhóm. - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3 thành 2 nhóm. - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 4 thành 2 nhóm. - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. Hoạt động khác: - Tập cho trẻ đếm vệt, sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng
2. Sắp xếp theo qui tắc			
30	MT30	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1-1 - ghép đôi. - Xếp xen kẽ. Hoạt động khác: - Xếp tương ứng 1-1 - ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
3. So sánh hai đối tượng			
31	MT31	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Hoạt động học: - To- nhỏ; - Cao- thấp; - Dài- ngắn; - Bằng nhau.
4. Nhận biết hình dạng			

32	MT32	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết tên gọi, đặc điểm hình: vuông, tam giác, tròn, chữ nhật; nhận dạng các hình trong thực tế. Hoạt động khác: - Sử dụng các hình học để ghép.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
33	MT33	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Hoạt động học: - Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
34	MT34	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. Hoạt động khác: - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
35	MT35	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	
36	MT36	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	
37	MT37	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
38	MT38	2. Kể tên và nói được sản phẩm của	Hoạt động học:

		nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến(bác sĩ, công nhân, nông dân, công an....)
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
39	MT39	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Hoạt động học: - Ngày hội bé đến trường, tết trung thu, lễ hội cô giáo là mẹ hiền, tết Nguyên Đán... Hoạt động khác: - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
40	MT40	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
41	MT41	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hoạt động khác: - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Các từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng; - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi; - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
42	MT42	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	
43	MT43	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
44	MT44	2.1. Nói rõ các tiếng.	Hoạt động học: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe có sự kiện giúp đỡ; - Kể lại sự việc.
45	MT45	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	
46	MT46	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	
47	MT47	2.4. Kể lại được những sự việc đơn	

		giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của cô ; - Nói và thể hiện các cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu.
48	MT48	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động khác: - Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Kể lại được sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, điệu bộ, cử chỉ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp. - nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
49	MT49	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	
50	MT50	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	
51	MT51	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	
52	MT52	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	
3. Làm quen với đọc, viết			
53	MT53	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	Hoạt động học: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) Hoạt động khác: - Xem và Nghe đọc các loại sách khác nhau. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và ""đọc"" truyện. - Giữ gìn sách.
54	MT54	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	
55	MT55	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	

			- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Vẽ, viết nguệch ngoạc
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
56	MT56	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính.
57	MT57	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	Hoạt động khác: - Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
58	MT58	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Hoạt động khác: - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Cố gắng thực hiện các công việc đơn giản được giao;
59	MT59	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
60	MT60	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Hoạt động học: - Tìm hiểu về Bác Hồ. Hoạt động khác: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc(vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Nghe truyện, thơ về Bác. - Thể hiện lòng kính yêu đối với Bác Hồ.
61	MT61	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	
62	MT62	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	
63	MT63	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
64	MT64	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” – “xấu”; - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - chơi hoà thuận với bạn.
65	MT65	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	
66	MT66	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	
5. Quan tâm đến môi trường			
67	MT67	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Hoạt động khác: - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - giữ gìn vệ sinh môi trường.
68	MT68	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
69	MT69	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động khác: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
70	MT70	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			

71	MT71	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	Hoạt động học: - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Nghe các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, dân ca). - Vẽ các nét thẳng, xiên . - Vẽ những tranh có nội dung đơn giản - Nặn tạo sản phẩm đơn giản: quả, bánh... Hoạt động khác: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình như: Đất sét, hoa, bút màu, ống hút... tạo ra sản phẩm - Sử dụng giấy màu xé dán thành bức tranh đơn giản: Hoa, quả, nhà.... - Xếp nhà, xây hàng rào, các công trình đơn giản theo ý thích.
72	MT72	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	
73	MT73	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	
74	MT74	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	
75	MT75	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
76	MT76	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	
77	MT77	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
78	MT78	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. Hoạt động khác: - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
79	MT79	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
80	MT80	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

KHÔI TRƯỞNG

Nguyễn Thị Huế

BAN GIÁM HIỆU

Đặng Thị Tới